

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 13, điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 83/2020/TLST - DS, ngày 01 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

Xét anh Nguyễn Phú Q, chị Nguyễn Thị M có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận nên giảm 50% đối với phần án phí anh Q, chị M phải nộp.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Trụ sở: 89 Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật : Ông Ngô Chí D – Chức vụ : Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Xuân S – Chức vụ : Trưởng bộ phận xử lý nợ ; ông Ngô Tuấn A, ông Nguyễn Đức A – Chức vụ : Chuyên viên xử lý nợ (theo văn bản ủy quyền số 03/2020/UQ – HĐQT ngày 02/3/2020 của ông Ngô Chí D ủy quyền cho ông Phạm Tuấn A và văn bản ủy quyền số 1179/2020/UQ – VPB ngày

13/4/2020 của ông Phạm Tuấn A cho ông Hà Xuân S, ông Ngô Tuấn A và ông Nguyễn Đức A).

Bị đơn: Anh Nguyễn Phú Q - Sinh năm 1985

Chị Nguyễn Thị M – Sinh năm 1985

Địa chỉ: Đội 5, Thôn Y, xã N, huyện T, Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng TMCP V , anh Nguyễn Phú Q và chị Nguyễn Thị M xác nhận:

* Tính đến ngày 08/6/2020, vợ chồng anh Nguyễn Phú Q, chị Nguyễn Thị M còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền **540.158.706đồng** (bao gồm: 394.441.559đồng nợ gốc, 4.253.402đồng nợ lãi trong hạn và 141.463.745đồng nợ lãi quá hạn). Cụ thể:

- Theo hợp đồng tín dụng số 2517686 ngày 31/12/2014:

+ Nợ gốc: 293.877.106đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 3.060.264 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 79.668.180đồng

Tổng cộng: 376.605.550đồng.

- Theo giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 09/7/2015:

+ Nợ gốc: 47.658.484đồng

+ Lãi trong hạn: 0đồng

+ Lãi quá hạn: 36.472.465đồng

Tổng cộng 84.130.949 đồng.

- Theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ ngày 27/8/2015:

+ Nợ gốc : 13.109.417đồng

+ Nợ lãi trong hạn : 435.679đồng

+ Nợ lãi quá hạn 5.535.368đồng

Tổng cộng : 19.080.464đồng.

- Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ ngày 04/02/2016 :

+ Nợ gốc : 2.591.992đồng

+ Nợ lãi trong hạn : 103.779đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 1.099.940đồng.

Tổng cộng : 3.795.711đồng.

- Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 26/12/2016 (giải ngân ngày 10/01/2017)

+ Nợ gốc :	31.876.438đồng
+ Nợ lãi trong hạn :	466.331đồng
+ Nợ lãi quá hạn :	16.164.244đồng
Tổng cộng :	48.507.013đồng

- Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 12/6/2017 (giải ngân ngày 14/6/2017)

+ Nợ gốc :	5.328.122đồng
+ Lãi trong hạn :	187.349đồng
+ Lãi quá hạn :	2.523.548đồng.
Tổng cộng :	8.039.019đồng.

* Ngân hàng TMCP V đồng ý cho anh Q, chị M tất toán toàn bộ các khoản vay nêu trên với số tiền phải thanh toán là 500.000.000đồng và thời hạn thanh toán chậm nhất vào ngày 30/10/2020.

2.2. Trường hợp anh Q, chị M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nêu trên, anh Q, chị M phải thanh toán đủ 540.158.706đồng và các khoản lãi suất phát sinh từ ngày 09/6/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc theo các mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đồng thời, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 30(2); tờ bản đồ số: 10 địa chỉ: Đội 5 thôn Y, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội đã được cấp “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BU708538, số vào sổ cấp GCN: 1258/2014/HĐTP/CH01238 do UBND huyện T, thành phố Hà Nội cấp ngày 01/12/2014 mang tên anh Nguyễn Phú Q theo “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác” số công chứng 5214/2014, quyển số 03-2014 ký ngày 29/12/2014 tại Văn phòng công chứng K, TP. Hà Nội giữa Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Sở giao dịch với anh Nguyễn Phú Q để thu hồi nợ.

2.3. Anh Nguyễn Phú Q, chị Nguyễn Thị M và Ngân hàng TMCP V, mỗi bên phải nộp 6.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Anh Q, chị M tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Giảm $\frac{1}{2}$ nghĩa vụ nộp án phí của anh Q, chị M. Nay anh Q, chị M phải nộp 9.000.000đồng án phí.

Trả lại Ngân hàng TMCP V số tiền 12.500.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 006625 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoài